TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 5 năm 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà : Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà***:*** Bà Trần Thị Thúy Nga - kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: TDP L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn G, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H, ngày 16/9/2016 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, tổ chức xong chị H về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H mâu thuẫn với bố mẹ chồng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2021 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng

không về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/8/2017 hiện đang ở cùng chị H. Quá trình giải quyết anh xin nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 1.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa anh xin nuôi cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đi làm thợ xây thu nhập 7.000.000đ-8.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết chị có đơn xin xét xử vắng mặt, chị trình bày: Chị kết hôn với anh T , ngày 16/9/2016 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L , tổ chức xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Trường cờ bạc, trai gái đánh đập chị nhiều lần. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2021 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng không về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/8/2017 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000đ/tháng. Hiện chị đi làm công nhân thu nhập 5.000.000đ-6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND thị trấn L: Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị H, ngày 16/9/2016 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, tổ chức xong chị H về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống địa phương không biết anh chị mâu thuẫn như thế nào chỉ nghe dư luận địa phương do chị H mâu thuẫn với mẹ chồng và chị H nghi ngờ anh T cờ bạc, đánh đập vợ con. Hiện chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2021cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/8/2017 hiện đang ở cùng chị H. Mức nuôi dưỡng một trẻ em ở độ tuổi từ 05-07 tuổi ở địa phương là từ 2.000.000đ đến 2.500.000đ. Nay anh T xin ly hôn chị H địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án năm 2016 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2.Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/8/2017 hiện đang ở cùng chị H. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000đ/tháng.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: anh Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, quá trình giải quyết chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị nguyễn Thị H ngày 16/9/2016 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L. Tổ chức xong chị H về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn theo dư luận địa phương do chị H mâu thuẫn với bố mẹ chồng và chị H nghi ngờ anh T cờ bạc, đánh đập vợ con. Nay anh T xin ly hôn chị H đồng ý. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/8/2017 hiện đang ở cùng chị H. Ly hôn cả hai đều xin nuôi con, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000đ/tháng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng anh T, chị H thu nhập đều đảm bảo nuôi con, hiện nay cháu H còn nhỏ, cháu lại là con gái từ khi vợ chồng sống ly thân cháu vẫn đang ở cùng chị H. Để đảm bảo

quyền lợi cho con chưa thành niên cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung, nên giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu H, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đ/tháng phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh T, chị H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/8/2017 hiện đang ở cùng chị H. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006620 ngày27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh T phải nộp tiếp 300.000đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tển và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Lập Thạch;
- Lưu.